

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 55 /NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
nguồn Ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công thuộc nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 9220/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, định hướng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải bám sát và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã được thông qua tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

4. Đối với các dự án khởi công mới, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; các công trình trọng điểm, bức xúc thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các dự án giao thông, đường ven biển có tính liên kết vùng, có tác động lan tỏa; các dự án thủy lợi bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, phòng chống thiên tai; các dự án giáo dục đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân nhằm tạo đột phá quan trọng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

5. Đối với nguồn ngân sách địa phương (đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước), định hướng ưu tiên đầu tư cho các dự án trọng điểm bức xúc có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (bao gồm đối ứng các dự án trọng điểm, liên vùng sử dụng vốn ngân sách Trung ương); đầu tư tối thiểu cho các huyện, thành, thị theo tiêu chí tính điểm quy định tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, gắn với việc thẩm định, rà soát của các cơ quan chuyên môn để bảo đảm đúng đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm tình trạng đầu tư dàn trải, chống thất thoát trong đầu tư; đầu tư cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ (bao gồm định hướng cơ cấu từ nguồn thu sử dụng đất các huyện, thành, thị hưởng theo phân cấp) để đảm bảo cơ cấu của Trung ương giao; đầu tư hỗ trợ vốn đối ứng cho các chương trình, dự án ODA, nhất là các chương trình dự án không thuộc đối tượng được hỗ trợ vốn đối ứng từ nguồn NSTW để triển khai thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của từng chương trình, dự án.

6. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: đầu tư cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế và dành tối thiểu 10% đối ứng các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo theo quy định của Trung ương.

7. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách Nhà nước như là vốn môi để khai thác tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh.

8. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư.

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư

1. Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 27.875,8 tỷ đồng, trong đó đưa vào đầu tư công tập trung phần tỉnh quản lý: 8.532,8 tỷ đồng.

2. Chi tiết các nguồn vốn như sau:

a) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 7.197,8 tỷ đồng;

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 20.500 tỷ đồng. Trong đó phần ngân sách tỉnh hưởng cân đối cho đầu tư công tập trung là 1.200 tỷ đồng. Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp định hướng cơ cấu chi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ để đảm bảo quy định của Trung ương.

c) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 135 tỷ đồng.

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 43 tỷ đồng, được bố trí trong dự toán thu chi ngân sách Nhà nước.

Như vậy tổng nguồn ngân sách địa phương đưa vào đầu tư tập trung phần tỉnh quản lý là: 8.532,8 tỷ đồng (7.197,8 tỷ đồng + 1.200 tỷ đồng + 135 tỷ đồng).

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 của quốc gia và của tỉnh.

2. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm tuân thủ các quy định, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 29/2021/Q15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

3. Bám sát mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước, thực hiện hiệu quả Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư; cơ cấu lại nền kinh tế, các đột phá phát triển; bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, khắc phục triệt để tình trạng phân tán, dàn trải, kéo dài; giảm tối đa các dự án khởi công mới và kiểm soát chặt chẽ thời gian bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

4. Trong từng ngành, lĩnh vực bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

b) Phân bổ đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP); dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

c) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

d) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công; phải đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.

g) Việc lựa chọn danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 58 Luật Đầu tư công, đồng thời danh mục và mức vốn từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải bao gồm danh mục và mức vốn dự án đó trong kế hoạch đầu tư công năm 2021 (bao gồm kế hoạch vốn điều chỉnh trong năm).

h) Các địa phương, cơ quan quản lý dự án được bố trí vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 phải cam kết bố trí phần vốn còn thiếu theo chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để hoàn thành dự án đúng tiến độ. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn, địa phương, cơ quan quản lý dự án phải tự cân đối vốn hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

Điều 4. Cho phép bố trí vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp đã bố trí vốn quá thời gian quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công. Trong quá trình phân bổ kế hoạch đầu tư công hằng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ưu tiên bố trí vốn để sớm hoàn thành các dự án, phát huy hiệu quả đầu tư.

Điều 5. Phương án phân bổ

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

Điều 6. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công. Tiếp tục rà soát những nội dung còn vướng mắc trong quá trình triển khai

thực hiện đề đề xuất sửa đổi đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong thực hiện văn bản pháp luật.

2. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; tăng cường thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả. Tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình đã được phê duyệt, đang triển khai dở dang, kiểm soát chặt chẽ số dự án và thời gian bố trí vốn hoàn thành dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả, tính liên tục trong đầu tư công. Huy động tối đa các nguồn vốn (tăng thu, kết dư ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025) để bố trí sớm hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng có hiệu quả.

3. Nâng cao trách nhiệm trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đảm bảo trình tự, thủ tục, định mức và suất đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

4. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định; tăng cường quản lý dự án, quản lý chất lượng và quyết toán dự án hoàn thành.

5. Theo dõi và đôn đốc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan. Kiểm soát không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

6. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm. Tăng cường thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

7. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng khoản vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương. Khoản vốn dự phòng chỉ được sử dụng khi bảo đảm cân đối nguồn vốn và bố trí cho các mục tiêu, nhiệm vụ thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Căn cứ Nghị quyết này để giao chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện.
- b) Danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để bố trí kế hoạch hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025.
- c) Tổ chức thực hiện và triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Thái Thanh Quý

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số **55** /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đơn vị: Triệu đồng
			Số Quyết định	Tổng số		
I	2	3	4	5	6	8
	TỔNG SỐ			39.764.353	15.974.953	8.532.800
I	Quốc phòng			128.500	108.500	95.000
a	Dự án chuyển tiếp			40.000	20.000	20.000
1	Trường bán, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Nghệ An/Quân khu 4 *	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	1924/QĐ-TM 04/12/2018	40.000	20.000	20.000
b	Dự án khởi công mới			88.500	88.500	75.000
1	Đường giao thông từ bản Phả Khảo, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương đến cột mốc 390	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	50.000	50.000	50.000
2	Cấp điện đôn Biên phòng Châu Khê (553)/Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	38.500	38.500	25.000
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			248.315	117.852	58.981
a	Dự án chuyển tiếp			215.315	89.852	30.981
1	Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 4 Phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	1854 08/5/2017; 4717 23/10/2018	50.000	26.000	8.298
2	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Nghệ An *	Công an tỉnh Nghệ An	253/QĐ-H41 30/10/2015	129.673	38.902	13.134
3	Trụ sở làm việc phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	5065/QĐ-UBND- XD 31/10/2015; 3227/QĐ-UBND 19/8/2019	35.642	24.950	9.549
b	Dự án khởi công mới			33.000	28.000	28.000
1	Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát CC&CNCH số 7 Phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	33.000	28.000	28.000
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			267.610	254.167	249.767
a	Dự án chuyển tiếp			6.586	5.317	917
1	Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Nam Đàn 2, huyện Nam Đàn	Trường THPT Nam Đàn 2	5010 23/10/2017, 4769 25/12/2020	6.586	5.317	917
b	Dự án khởi công mới			261.024	248.850	248.850



[Handwritten signature]

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	Xây dựng mới một số hạng mục Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	2803/QĐ-UBND 6/8/2021	15.000	15.000	15.000	
2	Xây dựng nhà học bộ môn và cải tạo, nâng cấp nhà học Trường THPT Mường Quạ	Trường THPT Mường Quạ	2753/QĐ-UBND 4/8/2021	11.024	11.000	11.000	
3	Cải tạo nhà học 3 tầng và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Thanh Chương 3	Trường THPT Thanh Chương 3	2780/QĐ-UBND 5/8/2021	7.500	6.550	6.550	
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục Trường PT Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	3012/QĐ-UBND 17/8/2021	11.000	11.000	11.000	
5	Xây dựng nhà học và một số hạng mục Trường THPT Quỳnh Lưu 3	Trường THPT Quỳnh Lưu 3	2853/QĐ-UBND 10/8/2021	9.500	8.550	8.550	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà học, xây mới nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 3, huyện Nghi Lộc	Trường THPT Nghi Lộc 3	2752/QĐ-UBND 4/8/2021	11.500	10.400	10.400	
7	Cải tạo và Xây dựng nhà học 3 tầng Trường THPT Kỳ Sơn	Trường THPT Kỳ Sơn	2746/QĐ-UBND 4/8/2021	11.000	11.000	11.000	
8	Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục Trường THPT Tân Kỳ 3	Trường THPT Tân Kỳ 3	2802/QĐ-UBND 6/8/2021	9.500	8.975	8.975	
9	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Tương Dương 2	Trường THPT Tương Dương 2	2813/QĐ-UBND 6/8/2021	11.500	11.500	11.500	
10	Cải tạo, nâng cấp nhà học và Xây dựng nhà học 3 tầng Trường THPT Quý Hợp 3	Trường THPT Quý Hợp 3	2859/QĐ-UBND 10/8/2021	12.500	12.000	12.000	
11	Xây dựng nhà học và các hạng mục phụ trợ trường THPT Hà Huy Tập	Trường THPT Hà Huy Tập	2836/QĐ-UBND 9/8/2021	12.000	10.500	10.500	
12	Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục Trường THPT Diễn Châu 4	Trường THPT Diễn Châu 4	2747/QĐ-UBND 4/8/2021	10.000	8.875	8.875	
13	Xây dựng công trình vệ sinh cho các trường học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	3527/QĐ-UBND 28/9/2021	20.000	20.000	20.000	
14	Xây dựng Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây Nghệ An (giai đoạn 2)	Sở Lao động, thương binh và xã hội	2757/QĐ-UBND 4/8/2021	25.000	25.000	25.000	
15	Xây dựng nhà học, các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đô Lương 3	Trường THPT Đô Lương 3	2841/QĐ-UBND 9/8/2021	11.000	9.900	9.900	
16	Hội trường Trường chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	2774/QĐ-UBND 5/8/2021	28.000	28.000	28.000	
17	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Cửa Lò tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò	Trường THPT Cửa Lò	2759/QĐ-UBND 4/8/2021	25.000	22.400	22.400	
18	Cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Yên Thành 2	Trường THPT Yên Thành 2	2788/QĐ-UBND 5/8/2021	9.000	8.000	8.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
19	Xây dựng nhà học thực hành và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Phan Thúc Trực, huyện Yên Thành	Trường THPT Phan Thúc Trực	2847/QĐ-UBND 9/8/2021	11.000	10.200	
IV	Khoa học, công nghệ			62.785	57.785	
a	Dự án khởi công mới			62.785	57.785	
1	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	50.000	45.000	
2	Xây dựng Công viên lưu giữ và bảo tồn nguồn gen tại Trạm nghiên cứu khoa học công nghệ cao Thái Hòa, thị xã Thái Hòa	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Nghệ An	2815 06/8/2021	12.785	12.785	
V	Y tế, dân số và gia đình			2.328.490	623.939	
a	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trước 31/12/2020			23.270	939	
1	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên *	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	2384 02/6/2014	18.770	15.859	
2	Trạm Y tế Lĩnh Sơn *	UBND xã Lĩnh Sơn	2295 30/5/2017	4.500	3.109	
b	Dự án chuyển tiếp			483.643	150.785	
1	Trung tâm xạ trị và y học hạt nhân - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An *	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	2511 06/6/2014, 823 20/03/2020	430.762	141.900	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức *	Sở Y tế	6331 30/12/2015; 5367 25/12/2019; 1533/QĐ-TTg 15/9/2021	52.881	8.885	
c	Dự án khởi công mới			1.821.577	610.190	
1	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND 15/4/2021	1.259.000	259.000	
2	Xây dựng mới nhà khám bệnh và điều trị tổng hợp Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	253.000	220.000	
3	Xây dựng Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	48/NQ-HĐND 18/10/2021	80.000	35.000	
4	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	2733 03/8/2021	13.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
5	Xây dựng mới nhà điều trị và các hạng mục phụ trợ bệnh viện y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	39.000	25.000	25.000	
6	Trạm Y tế xã Hưng Hòa	UBND xã Hưng Hòa	2734 03/8/2021	6.250	5.000	5.000	
7	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	Sở Y tế	4896 30/12/2020	100.877	11.190	8.000	
8	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	2742 04/8/2021	20.650	15.000	15.000	
9	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện mắt Nghệ An	Bệnh viện mắt Nghệ An	3141 25/8/2021	29.800	10.000	10.000	
10	Xây dựng và cải tạo một số hạng mục bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	2886 10/8/2021	20.000	20.000	20.000	
VI	Văn hóa, thông tin			767.404	339.812	220.917	
2	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			117.634	9.020	3.790	
1	Cải tạo nhà trưng bày Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh *	Sở Văn hóa và Thể Thao	79/QĐ-STC 26/4/2017	5.828	5.828	598	
2	Xây dựng nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	1099/QĐ-UBND 10/4/2019, 2889/QĐ-UBND 26/8/2020	111.806	3.192	3.192	
b	Dự án chuyên tiếp			475.770	200.792	63.127	
1	Khu di tích Phùng Chí Kiên *	UBND huyện Diễn Châu	4850/QĐ-UBND.CN XD 18/10/2010	25.000	16.987	8.500	
2	Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Xô Viết Nghệ Tĩnh *	UBND huyện Hưng Nguyên	5345 19/10/09; 969 29/3/2012; 5286 11/11/2015; 834 20/3/2020; 3056 9/9/2020; 1315 11/5/2021	326.307	126.778	34.000	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu *	UBND huyện Quỳnh Lưu	3954 04/9/2015	17.524	17.524	9.024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
4	Xây dựng Trung đài đồng chí Phan Đăng Lưu và công viên trung tâm tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (giai đoạn I) *	UBND huyện Yên Thành	4374 02/11/2012; 3953 15/8/2014, 1317 11/5/2021	90.310	25.403	7.403	
5	Sân lễ hội và bãi đậu xe Đền Cuông tại xã Diễn An, huyện Diễn Châu *	Sở Văn hóa và Thể thao	5024/QĐ-UBND 23/10/2010; 864/QĐ-UBND- CNXD 23/S/2011; 2169 30/6/2021	16.629	14.100	4.200	
c	Dự án khởi công mới			174.000	130.000	154.000	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoành Sơn tại xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn	Sở Văn hóa và Thể thao	2781/QĐ-UBND 5/8/2021	24.000	24.000	24.000	
2	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở					34.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đông Viên tại xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	Sở Văn hóa và Thể thao	2842/QĐ-UBND 9/8/2021	11.000	11.000	11.000	
4	Lâm viên Bàu Sen, thị xã Thái Hòa (giai đoạn I)	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HĐND 13/8/2021	50.000	30.000	30.000	
5	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh	Sở Văn hóa và Thể thao	2801/QĐ-UBND 06/8/2021	15.000	15.000	15.000	
6	Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An tại huyện Quỳnh Châu	Sở Văn hóa và Thể thao	2793/QĐ-UBND 5/8/2021	20.000	10.000	10.000	
7	Xây dựng cơ sở vật chất khu hội trường văn hoá huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	2826/QĐ-UBND 6/8/2021	29.000	25.000	15.000	
8	Xây dựng cơ sở vật chất khu Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2877/QĐ-UBND 10/8/2021	25.000	15.000	15.000	
VII	Phát thanh, truyền hình, thông tin						
a	Dự án khởi công mới			29.950	20.000	20.000	
1	Đầu tư hệ thống máy quay phim, thiết bị điều khiển xử lý tín hiệu chuẩn 4K/UHD TV, hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp tại Trường quay lớn	Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An	2756/QĐ-UBND 4/8/2021	29.950	20.000	20.000	
VIII	Thể dục, thể thao			82.234	70.234	50.653	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
2	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020						
1	Xây dựng nâng cấp và mở rộng sân vận động thành phố Vinh *	Sở Văn hóa và Thể Thao	251/QĐ-UBND 17/01/2017	19.551	19.551	670	
b	Dự án chuyển tiếp						
1	Cải tạo, nâng cấp mặt sân cỏ, hệ thống đèn chiếu sáng và một số hạng mục Sân vận động Vinh	Sở Văn hóa và Thể Thao	1955/QĐ-UBND 19/6/2020	23.183	17.183	16.983	
c	Dự án khởi công mới						
1	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao huyện Nghi Lộc tại thị trấn Quán Hánh, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	2998/QĐ-UBND 4/9/2020	29.500	23.500	33.000	
2	Xây dựng mới nhà tập luyện đa năng tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	2843/QĐ-UBND 9/8/2021	10.000	10.000	10.000	
IX	Bảo vệ môi trường						
a	Dự án chuyển tiếp						
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An *	Sở Tài nguyên và Môi Trường	1518 17/4/2017	176.139	27.334	17.671	
X	Các hoạt động kinh tế						
X.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020						
				35.020.519	13.822.332	6.383.815	
				9.685.727	2.270.059	1.326.068	
				1.282.123	442.774	62.254	
1	Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung *	Sở Nông nghiệp và PTNT	2787/QĐ-BNN- HTQT 15/7/2015	415.237	20.527	270	
2	Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) WB 5 *	Sở Nông nghiệp và PTNT	9 Tiêu dự án 5753	451.595	140.884	5.000	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Gáo và Khe Rọ, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu *	UBND huyện Diễn Châu	27/12/2018 (QT)	23.712	23.712	1.812	
4	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Lam, đoạn thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương *	UBND huyện Tương Dương	2410 02/6/2014; 4844 31/10/2018 (QT)	67.343	53.219	15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
5	Xây dựng trạm bơm N8-8a Vách Nam, xã Diên Quảng, huyện Diên Châu *	UBND xã Diên Quảng	389/QĐ-STC 26/11/2016 (QT)	9.988	9.988	1.680	
6	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Khe Tran và hệ thống kênh tưới, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn *	UBND huyện Anh Sơn	4492 07/10/13; 48 10/4/2020 (QT)	9.123	9.123	400	
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Bai, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp *	UBND huyện Quỳnh Hợp.	997 17/3/15; 180/QĐ-STC 06/11/2020 (QT)	5.711	5.711	241	
8	Sửa chữa, nâng cấp đập tràn Khe Sừng, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn *	UBND huyện Anh Sơn	5564 23/10/2014; 47 10/4/2020 (QT)	10.304	9.630	1.270	
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Đình, xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn *	UBND huyện Nam Đàn	5066; 08/10/14; 321/QĐ-STC 17/10/2017 (QT)	9.702	7.230	630	
10	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất và vùng ĐBKK xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương *	UBND huyện Tương Dương	268 20/01/2012; 4845/QĐ-UBND 31/10/2018 (QT)	66.924	41.000	10.116	
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Nại, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương.	4758 17/10/2013; 187/QĐ-STC 20/11/2020 (QT)	14.248	13.898	2.730	
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chợ Mái, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	4901 02/10/2014	11.506	10.000	2.500	
13	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Lò Ngói, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn *	UBND xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.	2739 24/7/2012	6.925	6.570	420	
14	Xây dựng Trạm bơm Cồn Ngang và Trạm bơm kênh N17, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu *	UBND xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	4567 27/10/2011	14.698	14.498	1.270	
15	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hóc Mết, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu *	UBND huyện Quỳnh Lưu	785/QĐ-UBND 12/5/2014	14.998	7.500	2.500	
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hóc Chọc, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành *	UBND xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	421 17/02/2012	11.191	10.415	415	
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạc Vạn, huyện Diên Châu giai đoạn 2 *	UBND huyện Diên Châu	1448/QĐ-UBND-NN 04/5/2011; 2112/QĐ-UBND 27/5/2015 (QT)	138.918	58.869	16.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
b	Dự án chuyển tiếp						
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc *	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	4729 16/10/2013	7.522.504 13.100	1.038.931 11.025	475.460 1.025	
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh chính hồ Bàu Gia - Mã Tô *	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	1663 08/5/2013	4.873	3.700	500	
3	Khởi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An *	Sở Nông nghiệp và PTNT	1929 14/8/2012; 4937 24/12/2019	5.204.000	371.000	150.000	
4	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Nghệ An, gồm 13 Tiêu dự án *	Sở Nông nghiệp và PTNT	4212 16/10/2012	281.588	33.151	795	
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Quán Đôn, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	2019 08/6/2012	19.971	19.971	5.530	
6	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Tân Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	4679 15/10/2015	11.315	8.315	1.130	
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Cây, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	7340 25/12/2014	7.698	6.600	600	
8	Xây dựng trạm bơm Cồn Rời xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương *	UBND xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	5913 31/10/2014	7.175	5.821	2.000	
9	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, sạt lở đất xã Châu Tiến và xã Liên hợp huyện Quỳnh Hợp *	UBND huyện Quỳnh Hợp	4104; 07/9/2017; 5188/QĐ-UBND 31/10/2017	45.362	32.190	16.300	
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thống Nhất, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa *	UBND thị xã Thái Hòa	5134 18/12/2012	11.480	10.450	3.950	
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Nghĩa Hưng, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa *	UBND thị xã Thái Hòa	1658 8/5/2013	5.429	4.800	2.500	
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thung Mết, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	4847 22/10/2013	9.749	6.000	1.000	
13	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Bàu Chèn - Trung Long, đoạn từ xã Công Thành đến xã Long Thành, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	2219 22/5/2014	65.908	57.233	15.583	
14	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Tả Lam từ Km18-k25+546,5, huyện Thanh Chương (Gói thầu số 10); Gói thầu số 5B (từ Km0+00 đến Km2+00 thuộc tuyến đê Nam Trung) *	Sở Nông nghiệp và PTNT	1584/QĐ-UBND.NN, 02/5/2013; 741/QĐ.UBND, 17/3/2011; QĐ 1339/QĐ-UBND 12/5/2021	179.072	18.100	13.100	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
15	Xây dựng hệ thống sạt lở bờ sông Hiếu, đoạn qua thị trấn Tân Lạc và xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	08/QĐ-HĐND 02/3/2016; 5049 25/10/2017; 1334 12/5/2021	80.000	20.000	20.000	
16	Xây dựng hệ thống cấp nước biển nuôi tôm công nghiệp theo quy chuẩn Việt Gap tại xã Quỳnh Bàng, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	67/QĐ-HĐND 26/10/15; 5345 31/10/2016; 1331 12/5/2021	60.000	15.000	15.000	
17	Nâng cấp tuyến đê sông Mөг, đoạn qua các xã Tiến Thủy, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bàng, Quỳnh Thành, Quỳnh Đồi, Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu (giai đoạn 1)	UBND huyện Quỳnh Lưu	97/QĐ-HĐND 30/10/2015 CTĐT 3927 15/8/2016; 1333 12/5/2021	80.000	15.000	15.000	
18	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương *	Chi cục Phát triển nông thôn	6379 02/12/2009; 801 03/3/2016	86.067	14.067	11.700	
19	Mở rộng quy mô dự án xây dựng CSHT khu tái định cư cho các hộ dân vùng thiên tai, sạt lở đất xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên *	Chi cục Phát triển nông thôn	4934 03/12/2019	24.417	2.450	2.000	
20	Di dời 33 hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất nguy hiểm tại xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quế Phong	2905 31/7/2019; 5157 13/12/2019	14.970	7.485	7.485	
21	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cầu Bàn, huyện Hưng Nguyên *	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	4813 30/10/2018	13.983	12.000	2.000	
22	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Ông, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn *	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	2512 13/6/2017	43.000	36.000	8.500	
23	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và PTNT	1545QĐ-UBND 09/5/2019	308.268	83.224	54.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
24	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Nghệ An (WB8) *	Sở Nông nghiệp và PTNT	4638 09/11/15 (Bộ NN&PTNT)	517.240	53.233	23.000	
25	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để phát triển sản xuất các vùng nguyên liệu ở huyện Anh Sơn tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	116/QĐ-HĐND 31/10/15; 1350/QĐ-UBND 31/3/2016	66.000	19.996	6.700	
26	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Lam, đoạn qua các xã Cát Văn, Thanh Tiên, Thanh Lĩnh, Võ Liệt, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	115/QĐ-HĐND 30/10/15; 1294/QĐ-UBND 30/3/16; 4893 18/10/17; 1332 12/5/2021	80.000	29.062	19.062	
27	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Kê Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu *	UBND huyện Quỳnh Châu	5719 28/10/2014	139.878	40.000	40.000	
28	Xây dựng hồ chứa nước Bàn Chiềng xã Châu tiến, huyện Quỳnh Hợp *	UBND huyện Quỳnh Hợp	4756; 25/10/2018; 1950/QĐ-UBND 18/6/2020	47.507	40.000	14.600	
29	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Diễn Tháp, huyện Diên Châu *	UBND xã Diễn Tháp	2877 1/8/2012; 26/QĐ- STC25/02/2020 (QT)	22.267	4.800	2.400	
30	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (Các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn đó đang ở các huyện)					20.000	
-	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Minh Thành, huyện Yên Thành *	UBND xã Minh Thành, huyện Yên Thành	5152 28/10/2010; 2733 23/7/2012	24.898	18.674	5.900	
-	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu *	UBND xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu	4735 12/10/2010; 2579 05/7/2011; 6560 21/12/2016	27.449	24.704	11.100	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
-	Mở rộng, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Tây Thành, huyện Yên Thành *	UBND xã Tây Thành, huyện Yên Thành	5112 28/10/2010; 4134 06/10/2011	19.840	14.880	3.000
c	Dự án khởi công mới			881.100	788.354	788.354
1	Xây dựng hồ chứa nước Bùng Bùng, xã Khánh Sơn và cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Thiên Nhãn (đoạn từ xã Khánh Sơn đến xã Nam Kim), huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021	55.000	50.000	50.000
2	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đập Máy, xã Lý Thành và hồ chứa nước Cồn Cồn, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	2716/QĐ-UBND 02/8/2021	38.000	34.000	34.000
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước cho các xã Đông Sơn, Tráng Sơn, Lưu Sơn, Đà Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND 13/8/2021	65.000	33.000	33.000
4	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước Đức Trung, xã Nghĩa Đức; C3 Tân thọ, xã Nghĩa Thọ và kênh tưới, tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	2764/QĐ-UBND 04/8/2021	37.000	33.000	33.000
5	Xây dựng công điều tiết kết hợp cầu giao thông vào vùng bãi sản xuất xã Long Xá và Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh tưới xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	36/NQ-HĐND 13/8/2021	58.000	52.000	52.000
6	Xây dựng CSHT khu tái định cư tại bản Cò Mỳ ở di dời khẩn cấp người dân vùng sạt lở bản Xốp phe, xã Mường Típ và Xứ lý sạt lở đất tại Bản Cảnh, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2758/QĐ-UBND 04/8/2021	39.900	38.000	38.000
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu chính xã Diễn Thịnh, Diễn Trung, Diễn An và các tuyến kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu dân cư xóm 5, 6 và 7 xã Diễn Nguyễn, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	2755/QĐ-UBND 04/8/2021	49.800	48.000	48.000
8	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	56.000	54.100	54.100
9	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm và trạm bơm Thanh Phong, tuyến đê bao sông Khe Cái thuộc Công Ty TNHH MTV thủy lợi Nam	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	2783 05/8/2021	49.500	46.000	46.000
10	Cải tạo, nâng cấp kênh chính hồ chứa nước Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	3541/QĐ-UBND 29/9/2021	21.000	19.000	19.000
11	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Tương	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	3539/QĐ-UBND 29/9/2021	30.000	19.000	19.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
12	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh các trạm bơm dọc sông Lam qua các huyện Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương	Sở Nông nghiệp và PTNT	2839/QĐ-UBND 09/8/2021	40.000	40.000	40.000	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và công trình trên kênh cho các hồ chứa đã được Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ	Sở Nông nghiệp và PTNT	2819/QĐ-UBND 06/8/2021	40.000	40.000	40.000	
14	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới chính hồ chứa nước Vực Mầu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	72.000	65.000	65.000	
15	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	2715/QĐ-UBND 02/8/2021	49.500	47.000	47.000	
16	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chợ Cầu, trạm bơm Thọ Sơn thuộc hệ thống Thủy Lợi Nam	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021	63.000	60.000	60.000	
17	Xây dựng hồ chứa nước Khe Rút, xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021	53.000	53.000	53.000	
18	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	2784/QĐ-UBND 05/8/2021	49.500	45.000	45.000	
19	Cải tạo, nâng cấp đập Bù Chải, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2901/QĐ-UBND 11/8/2021	14.900	12.254	12.254	
X.2	Công nghiệp			12.529	430	430	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			12.529	430	430	
1	Một số tuyến điện chiếu sáng thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương *	UBND huyện Thanh Chương	4231/12/10/2011 127/QĐ-STC 18/4/2018	12.529	430	430	
X.3	Giao thông			20.999.439	9.772.669	4.218.210	
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			1.784.593	1.023.958	76.629	
1	Cầu treo Dò Rông, huyện Anh Sơn *	Sở Giao thông Vận tải	1920 01/6/2012	43.238	40.238	1.277	
2	Cầu treo Bãi Ồi, huyện Con Cuông *	Sở Giao thông Vận tải	2605 13/7/2012	32.826	32.826	467	
3	Cầu treo bán Khe Tang, huyện Kỳ Sơn *	Sở Giao thông Vận tải	4330 18/10/2011	20.816	20.816	2.666	
4	Đại lộ Vinh-Cửa Lò *	Sở Giao thông Vận tải	1456 2/5/2012	619.588	439.588	7.000	
5	Cầu treo Dò Mượu, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương *	Sở Giao thông Vận tải	2542 09/6/2014	34.310	34.310	716	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
6	Cầu treo Cây Mít, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn *	Sở Giao thông Vận tải	1995 06/6/2011; 4464 28/9/2017	25.862	1.080	
7	Đường giao thông từ QL 1A cầu Cắm đi Nghi Hưng, Nghi Phương, Nghi Đông *	UBND huyện Nghi Lộc	4515 10/9/2008	27.976	4.497	
8	Cầu treo bán Lườm xã Yên Thắng *	UBND huyện Tương Dương	266/QĐ.STC-TCĐT 5/11/2018 (QT)	14.964	4.100	
9	Đường giao thông từ Quang Sơn - Nhân Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	2313 29/5/2009	25.567	3.417	
10	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên *	UBND huyện Hưng Nguyên	3964 27/9/2011	54.675	2.000	
11	Đường làng cây đa thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An *	UBND thị trấn Hưng Nguyên	3815 29/8/2013	19.000	4.000	
12	Đường giao thông liên xã Nghĩa Yên đi Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn *	UBND huyện Nghĩa Đàn	3340 18/7/2014	24.000	2.000	
13	Đường vào trung tâm xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Lâm huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An *	UBND huyện Nghĩa Đàn	5297 26/12/2007	21.160	18.600	
14	Đường GT từ xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Nghi Lộc	5815 29/10/2014	9.600	1.300	
15	Đường GT trung tâm nội khu hành chính mới thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc *	UBND thị trấn Quán Hành	5029 30/10/2013	48.588	1.175	
16	Tuyến đường ngang N8 thuộc dự án Xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1) *	UBND thị xã Thái Hòa	5264 30/10/12; 4414 3/10/2018	78.291	3.787	
17	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa *	UBND thị xã Thái Hòa	5241 30/10/2010	146.183	5.000	
18	Tuyến đường ngang N6 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông Khu đô thị mới Thái Hòa *	UBND Thị xã Thái Hòa	2914 08/7/2010	114.465	8.800	
19	Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chùa, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	4215 12/10/2011; 1201 31/3/2014; 152 14/01/2015	106.578	1.000	
20	Nâng cấp đường tỉnh 534, đoạn qua thị tứ xã Sơn Thành, huyện Yên Thành *	UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	4814 21/10/2013	23.000	3.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
21	Tuyến đường tránh lũ và cứu hộ, cứu nạn cho các xã Diễn Trung, Diễn An, Diễn Phú, Diễn Lộc và Diễn Lợi (GD 1) *	UBND huyện Diễn Châu	5760/QĐ-UBND 30/11/2010; 2673/QĐ-UBND 10/6/2016	163.124	42.712	247	
b	Dự án chuyển tiếp			9.130.783	2.953.401	1.149.935	
1	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh *	Bộ Giao thông vận tải	1664 06/8/2018	950.000	250.000	35.746	
2	Đường vào TT xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	2599 24/6/2013	36.369	21.400	4.100	
3	Dự án Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ điểm giao Quốc lộ 46 đến Tỉnh lộ 535 (Km 76+00 - Km 83+500)	Sở Giao thông Vận tải	4429 29/10/2019; 3792/QĐ-UBND 14/10/2021	520.844	200.000	100.000	
4	Đường Nhân Tài - Giã Giang *	UBND huyện Anh Sơn	3135 23/8/2004 75 09/1/2014	62.587	60.135	7.450	
5	Đường giao thông nông nghiệp nối các xã Diễn Thịnh, Diễn Lộc, Diễn Thọ và Diễn Lợi, huyện Diễn Châu *	UBND huyện Diễn Châu	4410 10/9/2014	98.910	55.464	13.000	
6	Đường giao thông Nhân Sơn- Đại Sơn huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	5187/QĐ-UBND.CN 30/10/2010; 3799/QĐ-UBND 14/10/2021	74.072	63.000	8.000	
7	Đường GT liên xã Mỹ Sơn - Hiến Sơn đến khu di tích lịch sử Trường Bôn, huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	5087 31/10/2013	31.186	21.321	5.000	
8	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến Cờn *	UBND thị xã Hoàng Mai	1440 11/4/2014 1348 12/5/2021	87.693	13.528	3.528	
9	Đường giao thông từ bản Huồi Lê đến bản Quyết Thắng, xã Keng Du, huyện Kỳ Sơn *	UBND huyện Kỳ Sơn	4408 21/10/2011	75.680	64.998	12.500	
10	Đường giao thông từ QL 46 đến xã Nam Anh, huyện Nam Đàn (giai đoạn 1) *	UBND huyện Nam Đàn	4405 21/10/2011	57.439	54.500	3.000	
11	Sửa chữa, nâng cấp tuyến nhánh nối vào đường Trung - Bình - Lâm, huyện Nghĩa Đàn *	UBND huyện Nghĩa Đàn	1441 11/4/2014	75.080	68.000	2.000	
12	Đường dọc khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Nghĩa Đàn (Dự án 5) (gói số 2) *	UBND huyện Nghĩa Đàn	4618 14/9/2009; 5373 05/11/2010	33.214	12.000	3.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
13	Đường GT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp *	UBND huyện Quỳnh Hợp	4207 12/10/2011	41.340	3.800	
14	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp *	UBND huyện Quỳnh Hợp	5111 27/10/2017	35.000	8.050	
15	Đường giao thông từ Tổng đội TNXP4 đi trung tâm xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	5512 21/11/2013	37.140	6.500	
16	Đường giao thông tuyến Bệnh viện - Hợp Thành, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	5081 27/10/2010	52.576	2.000	
17	Cầu Thanh Nam qua sông Lam, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	13/NQ-HĐND 14/5/2020 2538/QĐ-UBND 30/7/2020; 4778/QĐ-UBND 25/12/2020; 1352 12/5/2021	166.000	25.000	
18	Xây dựng cầu Diên Kim, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	12/NQ-HĐND 14/5/2020 2079/QĐ-UBND 29/6/2020; 1310 10/5/2021	125.000	25.000	
19	Đường giao thông tuyến Nghĩa An đi Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn *	UBND huyện Nghĩa Đàn	5065 25/10/2017	24.717	1.000	
20	Cầu Huồi Mán 2, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu *	UBND huyện Quỳnh Châu	5135 30/10/2017	20.000	5.500	
21	Cầu Huồi Mán 1, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu *	UBND huyện Quỳnh Châu	5136 30/10/2018	20.000	2.400	
22	Đường giao thông từ bán Bình 1 đi bán Trung Khang, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu *	UBND huyện Quỳnh Châu	4640 18/10/2018	14.996	6.500	
23	Nâng cấp tuyến đường giao thông Châu Bình - Châu Thuận - Châu Hội - Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5324/QĐ-UBND 31/10/2016	120.000	3.710	
24	Tuyến đường nối Khu di tích gốc - Chùa Chí Linh đến Khu tâm linh - lễ hội, thuộc Khu du lịch sinh thái và tâm linh Rú Gám, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	4373 08/9/2014	108.360	4.600	
25	Đường cứu hộ, cứu nạn từ bờ tả sông Sờ xã Phú Thành đi dọc kênh Vách Bắc đến sông Bàu Chén, xã Liên Thành, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	5965 10/12/2010 241 15/01/2016	213.492	35.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
26	Cầu Khe Thản, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	3454 08/8/2012	42.740	28.800	5.000	
27	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 1 A (Quyển Hậu) đi Quỳnh Đôi nối đường du lịch sinh thái biển Quỳnh Bàng *	UBND huyện Quỳnh Lưu	5462 10/11/2010	266.038	33.000	30.000	
28	Đường từ Thịnh Thành, Tây Thành đến QL 15 (gd1) *	UBND huyện Yên Thành	3919 10/10/2012	44.059	30.841	11.246	
29	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1) *	Sở Giao thông Vận tải	1962/QĐ.UBND 13/5/2017	1.411.000	260.000	100.000	
30	Đường giao thông từ thị trấn Con Cuông đi xã Bình Chuẩn *	UBND huyện Con Cuông	64 07/01/2013	215.292	21.222	21.222	
31	Đường giao thông từ xã Mậu Đức đi xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông *	UBND huyện Con Cuông	1894 23/5/2008; 3702 13/9/2011	52.628	34.628	9.890	
32	Đường giao thông vành đai phía Bắc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An *	UBND huyện Nam Đàn	1701/QĐ-UBND 20/4/2016	219.963	45.525	11.031	
33	Đường giao thông nông thôn huyện Quế Phong *	UBND huyện Quế Phong	192 18/1/2008; 3978/QĐ-UBND 28/10/2021	94.918	74.596	34.293	
34	Tuyến đường trục dọc D3 thuộc dự án xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới Thái Hòa *	UBND thị xã Thái Hoà	5102 28/10/2010; 2678 30/7/2021	45.256	31.679	17.695	
35	Đường Mường Xén - Ta Do - Khe Kiền *	Sở Giao thông Vận tải	5945 31/10/2014; 3789 25/9/2019; 2775 18/8/2020; 1355 12/5/2021; 4137 04/11/2021	589.500	157.570	98.000	
36	Cầu tràn liên hợp xóm Chuyên, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương *	UBND huyện Thanh Chương	5130 31/10/2013	13.069	11.200	9.000	
37	Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông *	UBND huyện Con Cuông	5883 30/10/2014	118.214	60.000	34.194	
38	Đường GT từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông *	UBND huyện Con Cuông	5586 29/10/2009	36.110	16.000	15.000	
39	Đường trục Trung tâm thương mại Bắc Nham đô thị Diễn Châu mở rộng (tuyến 1) *	UBND huyện Diễn Châu	2790 19/6/2014	120.704	67.000	30.000	
40	Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng mai (giai đoạn 1) *	UBND thị xã Hoàng Mai	3652 17/8/2018	194.224	54.906	25.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
41	Đường vào Trung tâm xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương *	UBND huyện Thanh Chương	4696 11/10/2010 2224 03/6/2013	77.897	25.000	
42	Đường giao thông vào khu xử lý rác thải thị xã Thái Hoà (Giai đoạn 1) *	UBND thị xã Thái Hoà	4852 31/10/2008	72.219	28.900	
43	Nâng cấp đường giao thông tuyến Thị trấn - Đức Thành, huyện Yên Thành (giai đoạn 1: Km 0+00 - Km 4+442, trừ cầu Yên Định) *	UBND huyện Yên Thành	4174 19/9/2013	64.812	5.000	
44	Một số tuyến đường chính trong giai đoạn đầu của thị trấn Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	5266 30/10/2010	162.738	28.100	
45	Đường từ KCN Hoàng Mai II đến NM xi măng Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu *	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	2437 17/6/2017	378.007	40.000	
46	Tuyến đường số 1, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An *	UBND thị xã Hoàng Mai	5127 31/10/13; 5620 22/11/10; 1330 12/5/2021; 2794 05/8/2021	223.338	50.000	
47	Đường từ thị trấn Tân Kỳ đi xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	839 22/3/2012	110.000	70.000	
48	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An) *	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2094/QĐ-UBND 2/5/2018	1.198.630	110.980	
49	Tuyến đường số 1 thị tứ Quỳnh Thạch, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu *	UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	5120 27/10/2017	19.845	10.000	
50	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAM) tỉnh Nghệ An - Hợp phần 1: Khởi phục, cải tạo đường địa phương *	Sở Giao thông vận tải	622/QĐ-BGTVT 02/3/2016	298.190	4.000	
c	Dự án khởi công mới			10.063.760	5.775.007	2.991.646
1	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	Sở Giao thông vận tải	10/NQ-HĐND 15/4/2021; 2925/QĐ-UBND 13/8/2021	4.651.000	1.451.000	500.000
2	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)	Sở Giao thông vận tải	18/NQ-HĐND 13/5/2021 (CTĐT)	684.431	312.361	125.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
3	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	Sở Giao thông vận tải	18/NQ-HBND 13/5/2021; 50/NQ-HBND 18/10/2021	1.417.000	1.267.000	215.000	
4	Đường giao thông từ Quốc lộ 46 đến bến 5, bến 6 cảng Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	205.000	170.000	170.000	
5	Cầu Đò Cung bắc qua Sông Lam, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	150.000	150.000	150.000	
6	Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	205.000	185.000	185.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.534C đi cửa khẩu Vầu (đoạn từ Km20+00 đến Km37+22), huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	145.799	124.000	124.000	
8	Đường giao thông nối QL48E đi xã Quỳnh Liên và đoạn Quỳnh Trang - Quỳnh Tân	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	67.000	60.000	60.000	
9	Nâng cấp tuyến đường vào vùng nguyên liệu của dự án chăn nuôi bò sữa TH huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	95.000	80.000	80.000	
10	Nâng cấp đường giao thông vùng nguyên liệu cho dự án chế biến gỗ tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	110.000	85.000	85.000	
11	Đường giao thông nối QL 46 đi xã Ngọc Sơn với xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn và QL15	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	113.000	100.000	100.000	
12	Xây dựng tuyến đường tránh thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông vận tải	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	285.000	285.000	60.000	
13	Tuyến đường tránh QL48 đoạn qua trung tâm đô thị Thái Hòa (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	300.000	150.000	60.000	
14	Cầu Khe Dền và đường 2 đầu cầu, phường Quang Phong, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	2956/QĐ-UBND 13/8/2021	28.500	23.000	23.000	
15	Đường giao thông từ QL 48D đến đường ngang N8 (trước công trường trung cấp nghề Miền Tây)	UBND thị xã Thái Hòa	3196/QĐ-UBND 31/8/2021	34.400	14.700	14.700	
16	Xây dựng các cầu trọng yếu và các tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn huyện Quế Phong (Cầu Na Phây - Đón Chám, xã Mường Nọc; Cầu vượt lữ bản Cắm, xã Cẩm Mươn; Cầu Long Thắng và đường vào khu tái định cư (các điểm dân cư bản Xáng - bản Qua), xã Hánh Diéch)	UBND huyện Quế Phong	3297/QĐ-UBND 09/9/2021	43.500	39.446	39.446	
17	Đường giao thông nông thôn xã Tiên Phong (Tuyến đường từ bản Na Chang đi bản Na Sánh), huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	3217/QĐ-UBND 01/9/2021	11.500	11.000	11.000	
18	Tuyến đường du lịch ven lòng hồ chứa nước bản Mông, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	80.000	65.000	65.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số Trong đó: NS tỉnh		
19	Cầu Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	2955/QĐ-UBND 13/8/2021	44.500	44.500	
20	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Trương Dương (Đường nội thị thị trấn Thạch Giám; Đường giao thông từ bản Yên Tân đi bản Yên Hương, xã Yên Hòa; Đường Xiềng Líp Xốp Kha, xã Yên Hòa; Cầu Văng Ông thuộc tuyến xã Yên Thắng đi xã Xiềng Mý; Đường Huồi Sơn - Phả Lôm, xã Tam Hợp)	UBND huyện Trương Dương	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	60.000	60.000	
21	Đường giao thông liên xã Nghĩa Đức đi Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	50.000	40.000	
22	Đường giao liên xã Châu Đình - Bản Khúa xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	3493/QĐ-UBND 27/9/2021	31.500	30.000	
23	Đường giao thông tránh thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	3230/QĐ-UBND 01/9/2021	49.900	45.000	
24	Xây dựng các tuyến đường trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu (đường du lịch biên Quỳnh Nghĩa và đường vào khu Quảng trường và công viên trung tâm huyện)	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	70.000	50.000	
25	Đường giao thông từ xã Cam Lâm đi xã Đôn Phục, huyện Con Cuông (giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	3300/QĐ-UBND 09/9/2021	30.000	30.000	
26	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông và công trình trên tuyến trên địa bàn huyện Tân Kỳ (tuyến Lạt - Làng Rào, Hương Sơn - Phú Sơn, Đông Lau - Thung Môn và cầu Khe Lôi và đường)	UBND huyện Tân Kỳ	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	90.000	80.000	
27	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông; Tuyến liên xã Diễn Yên, Diễn Hoàng, Diễn Hùng; Tuyến Quốc lộ 1 - Diễn Phong, huyện Diễn Châu.	UBND huyện Diễn Châu	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	80.000	70.000	
28	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	55.000	50.000	
29	Đường giao thông liên vùng Láng Thành- Phú Thành, huyện Yên Thành nối Đường tỉnh 538	UBND huyện Yên Thành	2957/QĐ-UBND 13/8/2021	30.000	25.000	
30	Đường vành đai nối từ QL7C đến QL7 đoạn qua các xã Thịnh - Văn - Yên - Thị - Lưu - Đặng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	74.000	22.000	
31	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Trảng - Minh nối QL.15A từ đèo Quà Sơn đến QL.7A tại vị trí đèo Đức Hoàng, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT)	90.000	75.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
32	Xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Thanh Chương (tuyến đường nối từ đường mòn Hồ Chí Minh đi vào vùng nguyên liệu trồng chè, cam thuộc xóm Thành Công - xí nghiệp chè Hành Lâm xã Thanh Đức; Tuyến nối QL46C đi xóm Tân Hợp, xã Thanh Tiên)	UBND huyện Thanh Chương	3073/QĐ-UBND 20/8/2021	40.000	35.000	35.000	
33	Đường từ xóm 2 đi xóm 6 Nghi Thuận (đoạn qua nhà thờ xứ Bình Thuận xã Nghi Thuận)	UBND huyện Nghi Lộc	2953/QĐ-UBND 13/8/2021	22.000	20.000	20.000	
34	Tuyến đường nối huyện Nghi Lộc với thị xã Cửa Lò (đoạn từ QL46 qua đường Chợ Sơn - Phúc Thọ đến đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An))	UBND huyện Nghi Lộc	36/NQ-HUBND 13/8/2021 (CTBT)	90.000	80.000	80.000	
35	Nâng cấp mở rộng mặt số tuyến đường trên địa bàn huyện Nam Đàn (Tuyến huyện DH08 tuyến Côn Bụt - Nam Lĩnh đoạn QL46C đến đường Vành đai phía Bắc)	UBND huyện Nam Đàn	36/NQ-HUBND 13/8/2021 (CTBT)	80.230	26.000	26.000	
36	Đường giao thông nối QL 46A với đường 542C qua xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	3371/QĐ-UBND 16/9/2021	35.500	20.000	20.000	
37	Tuyến đường giao thông liên xã Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Phú	UBND huyện Diễn Châu	36/NQ-HUBND 13/8/2021 (CTBT)	60.000	50.000	50.000	
38	Cải tạo, sửa chữa ĐT.539C đoạn Km7 - Km16+500	Sở Giao thông vận tải	2954 13/8/2021	35.000	35.000	35.000	
39	Đường giao thông liên xã từ xã Tây Sơn đến xã Na Ngòi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HUBND 13/8/2021	250.000	250.000	72.000	
40	Đường giao thông liên huyện từ Bản Choong - Bản Bón, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp đến xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Quỳnh Hợp	36/NQ-HUBND 13/8/2021	70.000	65.000	65.000	
X.4	<i>Khu công nghiệp và khu kinh tế</i>			1.237.744	631.144	101.510	
a	<i>Dự án chuyên tiếp</i>			1.237.744	631.144	101.510	
1	Tuyến đường D4 trong KKT Đông Nam Nghệ An (Hạng mục tuyến đường kết nối đường D4 với Càng xăng dầu DKC) *	Ban quản lý KKT Đông Nam	2481/QĐ-UBND- CN 10/06/2010; 517/QĐ-UBND 22/2/2019; 1360/QĐ-UBND 12/5/2021; 1877/QĐ-UBND 15/6/2021	847.595	412.993	50.000	
2	Đường giao thông vào Cụm công nghiệp Nghĩa Hoàn, huyện Tân Kỳ *	UBND huyện Tân Kỳ	5274 24/12/2012; 2781 01/7/2015	12.887	12.440	400	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
3	Xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp Đông Hải (vị trí số 1 và số 2) *	UBND thị xã Hoàng Mai	5352 08/12/2011; 5812 10/12/2015	223.292	110.000	11.500
4	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh *	UBND thành phố Vinh	3030 17/7/2013	64.926	41.111	23.110
5	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành *	UBND huyện Yên Thành	4899 24/10/2013	46.619	23.000	11.500
6	Hạ tầng Khu TĐC phục vụ GPMB các công trình trong điểm trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1) *	UBND thị xã Hoàng Mai	5332 31/10/2016	42.425	31.600	5.000
X.6	Cấp nước, thoát nước			878.962	292.442	165.980
a	Dự án chuyển tiếp			758.962	192.442	65.980
1	Kênh thoát nước số 1, đoạn từ ngang số 18 đến số 23, thị xã Cửa Lò *	UBND thị xã Cửa Lò	1428 7/4/2010; 5001 29/10/2013 của UBND tỉnh; 2817 29/9/2016 của UBND thị xã Cửa Lò KQ LCNT gói số 4	37.543	22.157	3.257
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò giai đoạn I *	UBND thị xã Cửa Lò	4411 03/10/2013	131.729	72.629	12.500
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò - GD II *	UBND thị xã Cửa Lò	6777 21/12/09	552.951	73.034	50.027
4	Mương tiêu thoát nước Bầu Đông, xã Hưng Đông, thành phố Vinh *	UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh	5128 31/10/2013; 2439	36.739	24.622	196
b	Dự án khởi công mới		23/7/2020	120.000	100.000	100.000
1	Xây dựng tuyến mương tiêu thoát nước dọc đường V.I.Lê nin, Trường Thi, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	36/NQ-HUBND 13/8/2021 (CTĐT)	120.000	100.000	100.000
X.8	Du lịch			403.947	151.638	139.853
a	Dự án chuyển tiếp			278.947	36.638	24.853
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2", tiểu dự án tỉnh Nghệ An	Sở Du lịch	4776QĐ-UBND 26/10/2018	278.947	36.638	24.853
b	Dự án khởi công mới			125.000	115.000	115.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giải đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	Xây dựng tuyến đường giao thông phát triển du lịch thị xã Hoàng Mai (tuyến nối từ Quốc lộ 48D đi Trung tâm xã Quỳnh Trang - hồ Vực Máu; Tuyến nối Quốc lộ 1A đi khu di tích lịch sử Quốc gia hàng Hoa Tiễn)	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HBND 13/8/2021 (CTBT)	125.000	115.000	115.000	
X.11	Công nghệ thông tin			22.000	22.000	22.000	
a	Dự án khởi công mới			22.000	22.000	22.000	
1	Xây dựng hạ tầng cho chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn I	Sở Thông tin & Truyền thông	3197/QĐ-UBND 31/8/2021	22.000	22.000	22.000	
X.12	Quy hoạch			72.235	72.235	159.642	
a	Dự án chuyển tiếp			72.235	72.235	71.235	
1	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1179/QĐ-TTg 04/8/2020	72.235	72.235	71.235	
b	Dự án khởi công mới					88.407	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư và quy hoạch khác					88.407	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định
X.13	Công trình công cộng tại các đô thị			1.728.239	630.018	250.122	
a	Dự án chuyển tiếp			832.290	506.310	160.122	
1	Đường ngang số 19, thị xã Cửa Lò *	UBND thị xã Cửa Lò	572 02/3/2012	14.896	6.500	918	
2	Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc *	UBND huyện Nghi Lộc	1179 13/4/2012	37.539	33.117	8.217	
3	Bãi xử lý rác thải thị trấn Quỳnh Hợp và các xã phụ cận *	UBND huyện Quỳnh Hợp	1446 08/04/2010; 3452 08/8/2013; 3185 25/07/2018; 1877 24/05/2019	44.351	41.751	10.546	
4	Kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn, thành phố Vinh *	UBND thành phố Vinh	803 20/3/2012; 37/NQ-HBND 13/8/2021; 3271/QĐ-UBND 07/9/2021	60.768	14.000	2.000	
5	Đường giao thông từ QL1A (ngã Ba Quán Bàu) đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh *	BQL dự án DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	5496 21/10/2014	264.017	75.639	26.111	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu nghĩa trang núi Cháy tại xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai (giai đoạn I) *	UBND thị xã Hoàng Mai	5169 30/10/2017	35.000	30.000	13.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số		
7	Bãi xử lý rác thải Quế Phong *	UBND huyện Quế Phong	4462 22/10/2011	56.016	20.830	
8	Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn 1) *	UBND thành phố Vinh	5118 27/10/2017 37/NQ-HĐND 13/8/2021 (ĐCCTĐT)	239.567	60.000	
9	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường Ven sông Lam đến đê Môi trường (giai đoạn 1) *	UBND xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	5119 27/10/2017	80.136	18.500	
c	Dự án khởi công mới			895.949	90.000	
1	Nghĩa trang tập trung huyện Con Cuông (Giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	3322/QĐ-UBND 10/9/2021	20.000	10.000	
2	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2740/QĐ-UBND 03/8/2021	14.000	10.000	
3	Hệ thống bãi xử lý rác thải thị trấn Anh Sơn và các vùng phụ cận huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	3218/QĐ-UBND 01/9/2021	30.000	15.000	
4	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	UBND thị xã Hoàng Mai	3097 15/9/2020	826.949	50.000	
5	Dự án cắm mốc tuyến đường dây và trạm biến áp 110Kv trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Công thương	3398/QĐ-UBND 17/9/2021	5.000	5.000	
XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; ...			475.506	266.382	
a	Dự án chuyên tiếp			144.006	33.522	
1	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Đô Lương *	UBND huyện Đô Lương	2138/QĐ-UBND 14/6/2011	5.200	863	
2	Trụ sở làm việc huyện ủy Tương Dương *	Huyện ủy Tương Dương	5879 30/10/2014	12.330	1.270	
3	Trụ sở UBND xã Tam Thái, Tương Dương *	UBND huyện Tương Dương	5507 20/11/2013	3.720	800	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm giống cây trồng Nghệ An *	Trung tâm giống cây trồng Nghệ An	4224 3/9/2014	5.715	715	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Nghệ An *	Tỉnh đoàn Nghệ An	585/QĐ-TTg 6/4/2016	49.564	12.948	2.948	
6	Xây dựng trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	5278 28/10/2016	28.000	28.000	13.600	
7	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hưng Yên Nam *	UBND xã Hưng Yên Nam	313 31/10/2016	5.226	4.000	2.000	
8	Nhà công vụ huyện ủy Kỳ Sơn *	Huyện ủy Kỳ Sơn	5344 31/10/2016	8.461	8.461	861	
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn *	UBND huyện Kỳ Sơn	1932 12/5/2017	4.503	4.503	1.764	
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn *	UBND huyện Kỳ Sơn	374 17/10/2017	4.957	4.957	2.444	
11	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn *	UBND huyện Kỳ Sơn	366 17/10/2017	4.990	4.990	2.490	
12	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hười Tụ	UBND huyện Kỳ Sơn	627 31/10/2019	6.350	6.000	3.500	
13	Trụ sở UBND xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn *	UBND huyện Kỳ Sơn	336 15/10/2015	4.990	4.990	267	
c	Dự án khởi công mới			331.500	232.860	232.860	
1	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	2737/QĐ-UBND 03/8/2021	25.000	25.000	25.000	
2	Cải tạo sửa chữa nhà B, C - Cơ quan số Công Thương	Sở Công thương	2951/QĐ-UBND 13/8/2021	9.000	9.000	9.000	
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HDND-UBND xã Yên Thắng, xã Xiêng Mỳ, xã Tam Hợp, xã Hữu Khương, xã Nhón Mai và xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	36/NQ-HĐND 13/8/2021	37.000	33.360	33.360	
4	Trụ sở làm việc cơ quan Khối dân huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2620/QĐ-UBND 06/8/2021	10.000	10.000	10.000	
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND các xã Na Lôi; xã Na Ngòi; xã Keng Dung; xã Chiêu Lưu, xã Mường Típ; xã Mường Ải; xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021	44.000	44.000	44.000	
6	Nâng cấp trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND - UBND và các đoàn thể xã Đông Văn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2871/QĐ-UBND 10/8/2021	6.000	5.500	5.500	
7	Trụ sở làm việc Huyện ủy - HDND - UBND huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	36/NQ-HĐND 13/8/2021	60.000	20.000	20.000	
8	Xây dựng Trụ sở làm việc HDND - UBND huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021	75.000	25.000	25.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quản lý dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
9	Nhà làm việc, các công trình phụ trợ Huyện ủy Kỳ Sơn và nhà các cơ quan trực thuộc Huyện ủy	Huyện ủy Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021	47.000	47.000	47.000	
10	Nhà làm việc 5 tầng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	3028/QĐ-UBND 18/8/2021	12.000	10.000	10.000	
11	Nhà làm việc Đảng ủy – HĐND – UBND và các đoàn thể xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2823/QĐ-UBND 06/8/2021	6.500	4.000	4.000	
XII	Xã hội						
a	Dự án khởi công mới						
1	Cờ sở Cai nghiệm ma túy bất buộc số III tỉnh Nghệ An	Sở Lao động, thương binh và xã hội	18/NQ-HĐND 13/5/2021	70.000	10.000	10.000	
2	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào (phần mở rộng khu A)	Sở Lao động, thương binh và xã hội	36/NQ-HĐND 13/8/2021	80.000	15.000	15.000	
3	Mua sắm trang thiết bị, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phục vụ công tác trị liệu, cai nghiện ma túy Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	3247/QĐ-UBND 6/9/2021	14.000	13.000	13.000	
XIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên						
a	Dự án chuyển tiếp						
1	Đường GT láng nghề hoa, cây cảnh Kim Chi, Kim Phúc, xã Nghi An, thành phố Vinh *	UBND xã Nghi An, thành phố Vinh	5055 31/10/2015	12.900	4.000	2.000	
	Các dự án ODA đang thỏa thuận chờ quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ mới bố trí					88.000	
	Dự phòng chung					359.890	

Ghi chú: * là dự án quá thời gian theo quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công 2019

